

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **201/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày 21 - 6 - 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Trương Huỳnh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Vũ Bằng.

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 249/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

*Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2022 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:** Vào năm 1998 ông H và bà L kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Lê Minh N, sinh 27/5/2000, Lê Nhí A, sinh 19/01/2002, Lê Nhí T, sinh 05/9/2006. Về tài sản chung và nợ chung có nhưng tự thỏa thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, dẫn đến đời sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương nhau, vợ chồng không sống chung H 10 năm, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Ông H yêu cầu ly hôn với bà L. Về con chung cháu Lê Nhí Thịnh có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dạy, nếu sống với ông H thì ông không yêu cầu cấp dưỡng cho con, nếu sống với bà L thì ông H tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Lời trình bày của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện:** Bà L thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông H về con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Đối với hôn nhân thì bà L xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 16/4/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 94/2012.

Bà L đồng ý ly hôn với ông H. Về con chung yêu cầu nuôi cháu Lê Nhí Thịnh, yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 14/6/2022 đối với cháu Lê Nhí Thịnh có tại hồ sơ, thể hiện:** Cháu đã nghỉ học, điều kiện sống của cháu hiện nay tốt, cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Ông H cho rằng vợ chồng sống chung không có đăng ký kết hôn, bà L xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn và cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn số: 94/2012 ngày 16/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Như vậy, có căn cứ xác định ông H và bà L là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng ông H và bà L không làm được điều đó, mà lại làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và cả hai đã không sống chung đã H 10 năm nhưng không hàn gắn trở lại được, đồng thời ông H và bà L thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với nhau, nên có căn cứ xác định ông H và bà L đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với

các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 94/2012 ngày 16/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy sau khi xem xét nguyện vọng của cháu Lê Nhí T thì ghi nhận được cháu có nguyện vọng được sống với bà L. Do đó, cần tôn trọng nguyện vọng của cháu T và đồng thời bà L không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nên giao cháu T cho bà L nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà L; nếu ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Bà L yêu cầu cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng, ông H tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng của ông H và bà L là không trái với đạo đức xã hội, nên cần ghi nhận và buộc ông H cấp dưỡng cho cháu Thịnh mỗi tháng là 1.000.000 đồng và phương thức cấp dưỡng thực hiện hàng tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo định quy định là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông H và bà L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, ông H phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh H.

- Về hôn nhân: Cho ông Lê Minh H ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 94/2012 ngày 16/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho bà L trực tiếp nuôi dạy cháu Lê Nhí T, sinh 05/9/2006. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà L; nếu ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Buộc ông Lê Minh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Nhí T, sinh 05/9/2006 với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 21/6/2022. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án mà ông H chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì ông H còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, ông H phải nộp án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng, ông H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004754 ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ, số tiền án phí ông H phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng (chưa nộp).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(ĐÃ KÝ)**

**Trương Huỳnh Hải**